

Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn mức cụ thể cho từng loại cán bộ.

Điều 2. - Trợ cấp thêm đối với người về hưu trước tháng 9-1985 có mức lương hưu dưới 25.000 đồng/tháng (theo quyết định 203-HĐBT) cho đủ 25.000 đồng/tháng.

Điều 3. - Hàng tháng trợ cấp thêm 30.000 đồng/người đối với công nhân, viên chức thuộc Tòa án nhân dân, Kiểm sát nhân dân, Thanh tra Nhà nước, Thanh tra tỉnh, thành phố, quận, huyện, Trọng tài kinh tế Nhà nước, tỉnh, thành phố, quận, huyện. Khi áp dụng mức trợ cấp trên, các ngành Tòa án, Kiểm sát, Thanh tra và Trọng tài kinh tế không được dùng các nguồn thu được trong việc thực hiện chức năng của mình để trợ cấp hoặc thưởng cho công nhân, viên chức trong ngành.

Điều 4. - Quý I năm 1992 dành khoản quỹ bằng 10 tỷ đồng để trợ cấp đột xuất đối với công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, người nghỉ hưu và một số đối tượng chính sách xã hội thực sự có nhiều khó khăn trong đời sống.

Điều 5. - Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 1992.

Điều 6. - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cùng Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra chặt chẽ việc thi hành quyết định này.

Điều 7. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 59-CT ngày 22-2-1992 về xóa bỏ chế độ trang cấp đồ dùng gia đình.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ kết luận của Thường trực Hội đồng Bộ trưởng tại phiên họp ngày 8 tháng 1 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Nay xóa bỏ chế độ trang cấp đồ dùng gia đình đối với cán bộ, viên chức làm việc ở cơ quan, xí nghiệp có mức lương từ 463 đồng (ứng với chuyên viên 3 cũ) trở lên theo quy định tại thông tư số 529-TTg ngày 8 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hiện hành quy định về vấn đề này.

Điều 2. - Quyết định này thay thế thông tư số 529-TTg ngày 8 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ và có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Tất cả cán bộ, viên chức được nâng bậc, đề bạt, xếp lương hoặc điều chỉnh lương từ trước ngày ra quyết định mà chưa được trang cấp cũng thi hành theo quyết định này.

Điều 3. - Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

PHAN VĂN KHẢI

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 60-CT ngày 24-2-1992 về thi hành Nghị định 133-HĐBT hướng dẫn thi hành Luật công đoàn.

Kể từ khi ban hành Nghị định số 133-HĐBT ngày 20 tháng 4 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Luật công đoàn, đến nay, việc triển khai thực hiện Nghị định 133-HĐBT chưa được chu đáo và rộng khắp trong tất cả các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Để khắc phục tình hình trên, nhằm thực hiện tốt Luật công đoàn và Nghị định 133-HĐBT, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị:

1. Các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần phối hợp với tổ chức Công đoàn triển khai ngay trong cơ quan, ngành và địa phương mình việc thực hiện Luật công đoàn và Nghị định 133-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Luật công đoàn, làm cho tất

cả cán bộ lãnh đạo cơ quan Nhà nước các cấp, cán bộ công nhân viên chức Nhà nước và những người lao động nắm vững nội dung cơ bản của Luật công đoàn và các văn bản dưới luật, thực hiện tốt chức trách của mình đã được quy định trong Luật công đoàn và Nghị định 133-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Căn cứ Luật công đoàn và Nghị định 133-HĐBT, các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng của mình cần phối hợp với các tổ chức công đoàn xây dựng quy chế phối hợp giữa hai bên nhằm thực hiện tốt các điều do Luật định, giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và trách nhiệm của công đoàn, đặc biệt là về vai trò của công đoàn trong việc tham gia quản lý Nhà nước, xây dựng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và giải quyết lợi ích chính đáng của người lao động.

3. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng căn cứ vào những nguyên tắc quy định trong Luật công đoàn và Nghị định 133-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và tùy theo chức năng và đặc điểm của mỗi ngành có thể thỏa thuận với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn cụ thể nội dung Nghị định 133-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ Tài chính phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết sớm vấn đề tài chính và tài sản của Công đoàn theo Điều 20, 21 Nghị định 133-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Luật công đoàn.